

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐIỆN BIÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 17/2024/HS-PT

Ngày: 11-9-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hòa

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Phương

Bà Vũ Thị Thanh Thủy

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Hạnh, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên tham gia phiên tòa: Ông Bùi Văn Thành, bà Thiều Thị Thùy Dương - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 17/2024/TLPT-HS ngày 21 tháng 5 năm 2024 đối với bị cáo Phạm Văn D do có kháng cáo của bị cáo Phạm Văn D, kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 90/2024/HS-ST ngày 25 tháng 3 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Đ, tỉnh Điện Biên.

- Bị cáo có kháng cáo, kháng nghị:

Họ và tên: Phạm Văn D, sinh ngày 18/9/1994 tại tỉnh Điện Biên. Nơi cư trú: Số nhà E, tổ dân phố A, phường H, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Phạm Văn D1, sinh năm 1960 và bà Trần Thị Y, sinh năm 1969; bị cáo có vợ là Bùi Thị L, sinh năm 1989 và có 02 con, con lớn sinh năm 2021, con nhỏ sinh năm 2023; Tiền án: không; Tiền sự: không; Nhân thân: Chưa bị kết án và chưa bị xử lý vi phạm hành chính; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 06/11/2022, sau đó bị tạm giam cho đến ngày 02/02/2024, được thay đổi biện pháp ngăn chặn bằng biện pháp Bảo lãnh cho đến nay, có mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo Phạm Văn D: Ông Mai Tiên D2 và ông Phạm Thế V, Luật sư Công ty L3, thuộc Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội - Địa chỉ: Tầng A, tòa nhà Z, số A, đường K, phường T, quận T, thành phố Hà Nội (vắng mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Phạm Văn D1, sinh năm 1960 và bà Trần Thị Y, sinh năm 1969; cùng địa chỉ: Số nhà E, tổ dân phố A, phường H, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên (Có mặt).

Trong vụ án còn có 04 bị cáo khác, cùng với một số người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có kháng cáo và bị kháng cáo, kháng nghị nên không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Sáng ngày 17/10/2022 các bị cáo Nguyễn Đức V1, Phạm Anh T, Phạm Ngọc T1 cùng nhau ngồi ăn sáng và uống trà chanh, bị cáo T1 nói: Có mấy bạn gái xinh muốn đi hát và sử dụng ma túy, các bị cáo V1, T đồng ý. T bảo T1 gọi các bạn, còn T về nhà lấy ma túy để sử dụng. T bảo V1 tìm chỗ mua ma túy và đặt phòng hát. V1 gọi cho Đỗ Xuân T2 đặt phòng hát tại quán K2. Sau đó T đi về, V1 điều khiển xe ô tô BKS 27A-069.49 của V1 cùng T1 đi đón Trần Thu H, sinh ngày 18/6/2005. Trên đường đi V1 gọi điện thoại bảo T chuyển tiền để mua ma túy, T chuyển 9.000.000 đồng qua tài khoản cho V1, V1 gọi điện cho Tạ Duy H1 đặt mua 9.000.000 đồng ma túy (gồm 4.500.000 đồng MDMA (gọi là Kẹo) và 4.500.000 đồng Ketamine (gọi là K)), H1 đồng ý và nói khi nào đến gần quán Bar S4 thì gọi điện thoại H1 mang ra. Sau khi đón được H thì V1 lái xe, H ngồi ghế phía sau, T1 ngồi ghế phụ bên lái rồi đi đón T, T ngồi ghế sau cạnh H. Lúc này, T đưa cho T1 gói K, nói để tý nữa anh em mình chơi, T1 cầm gói ma túy cho vào bao thuốc lá Thăng Long màu vàng rồi cất ở hộp để đồ gần cần số xe của V1.

Sau khi V1 đặt mua ma túy, H1 lên phòng tập Gym tầng 2 của Bar S lấy trong ngăn tủ để đồ của H1 10 viên Kẹo và một chỉ Ke do H1 mua của một người đàn ông tên T3 không quen biết từ trước ở thành phố T. H1 cho số ma túy trên vào túi nilon loại có mép dán và mượn xe mô tô của người thanh niên không quen biết, cầm theo số ma túy trên mang ra khu vực tổ G, phường T, thành phố Đ để đưa cho V1. Thấy xe ô tô của V1 đang đỗ cạnh đường, H1 dừng xe cạnh cửa phụ bên lái, T1 hạ cửa kính xuống, nhận túi ma túy H1 đưa đồng thời đưa số tiền 9.000.000 đồng mà V1 vừa đưa cho H1 rồi T1 cho túi ma túy trên vào vỏ bao thuốc lá Thăng Long để ở cạnh bao thuốc lá có ma túy của T đưa trước đó. V1 điều khiển xe ô tô chở T1, T, H đến quán K2.

Tại đây, T1 đưa cho V1 02 bao thuốc Thăng Long bên trong có ma túy để V1 vào quán hát trước, còn T điều khiển xe ô tô chở T1, H đi đón Lương Việt T4, sinh ngày 10/6/2005 và Nguyễn Trang L1, sinh ngày 09/9/2005. Tại quán K2 T2 mở cửa cho V1 đi lên tầng kiểm tra chọn phòng hát, còn T2 đi xuống tầng gọi điện thoại cho Phạm Văn D là nhân viên của quán đến để phục vụ. V1, T, T1, H, V, L1 đã chọn phòng 501 của quán K2 để làm địa điểm nghe nhạc và sử dụng ma túy. Trong khi nhóm của V1 lên chọn phòng hát thì D đến. T2 giao chìa khoá quán Q5 cho D và bảo D ở lại trông coi quản lý, dọn dẹp quán hát và phục vụ nhóm khách của V1 đang hát rồi T2 đi về nhà. V1 gọi T1 ra hành lang tầng 5, T cũng đi theo, V1 đưa cho T1 một bao thuốc lá Thăng Long có chứa ma túy (K1), còn V1 cầm một bao thuốc lá có chứa ma túy. T1 và T đi vào phòng 501, T1 lấy các viên Kẹo ra phát cho Việt T4, H, L1 mỗi người một viên để sử dụng. T1 lấy một viên Kẹo bẻ một nửa viên để bản thân sử dụng, nửa còn lại đưa cho T sử dụng. Sau đó, T1 để

bao thuốc lá có chứa ma túy ở trên mặt bàn đầu tiên bên trái gần chỗ chỉnh âm thanh của phòng hát. V1 vào phòng, T1 đưa cho V1 một viên Kẹo để sử dụng. Những người trên sử dụng bằng cách dùng nước uống trực tiếp. Một lúc sau, D mang một xô đá, một đĩa hoa quả vào trong phòng 501, bật nhạc cho nhóm của V1 rồi đi ra ngoài. Do âm thanh chưa đạt nên V1 gọi D vào chỉnh âm thanh trong phòng cho to hơn. V1 gọi điện thoại mời được Nguyễn Đình Q đến để sử dụng ma túy. *Khi điều chỉnh âm thanh xong D định đi ra ngoài thì V1 gọi D lại đưa cho D 200.000 đồng (trong đó có 100.000 đồng của T và 100.000 đồng của V1) và nói: “Này anh cho, có gì gọi anh” (V1 khai mục đích cho D tiền và nói có gì gọi anh là ý nói nếu có Công an thì sẽ báo cho V1 biết). D nhận 200.000 đồng của V1 đưa, không nói gì rồi đi ra ngoài đóng cửa lại. Một lúc sau V1 ra hành lang tầng 5 hỏi mượn D chiếc đĩa sứ, D chỉ cho V1 ra ban công tầng 5 lấy đĩa nhưng do chiếc đĩa nhỏ quá không sử dụng được, nên V1 đưa trả lại D rồi đi ra chợ trung tâm 3 mua đĩa nhưng không có, V1 quay về quán Q5 gọi điện thoại cho anh Bùi Đoàn Q1 là lái xe taxi đi mua hộ đĩa mang đến cho V1 rồi Q1 đi về luôn. Lúc này, Nguyễn Đình Q cũng đi về. T gọi điện thoại cho Nguyễn Bá N đến chơi. V1 cầm đĩa sứ lên đưa cho T1 để chuẩn bị xào Ke. T1 đưa cho V1 ½ viên ma túy tổng hợp để V1 sử dụng, sau đó V1 gọi điện thoại rủ Nguyễn Thị H T5 đến để sử dụng ma túy cùng. Trong thời gian ở quán K2, các bị cáo V1, T, T1 đã 04 lần thực hiện việc xào ke. Cụ thể như sau:*

V1, T1, T cùng nhau sang phòng 503 để xào Ke lần 1, bằng cách T1 dùng bật lửa hơi nóng đáy đĩa sứ rồi đổ K lên mặt đĩa và dùng chiếc thẻ ATM của T1 đảo cho các cục tinh thể tan ra thành bột mịn. *T1 bê đĩa Ke từ phòng 503 sang phòng 501. Tiếp đó, T1 dùng tờ tiền Polime mệnh giá 20.000 đồng quán tròn lại, dùng đầu lọc của 03 điếu thuốc lá quán lại làm thành ống điều tự chế để sử dụng Ke. Sau đó, T1 dùng thẻ ATM kẻ Ke trong đĩa thành các đường thẳng nhỏ rồi bê đĩa K đưa cho mọi người trong phòng luân phiên sử dụng bằng cách dùng điếu tự chế hít qua mũi. V1 tiếp tục gọi điện thoại cho Nguyễn Thị H T5 đến quán K2. Khi H T5 đến đã tham gia sử dụng ma túy cùng mọi người trong phòng 501. Đến khoảng 11 giờ cùng ngày V1 cầm đĩa sứ ra phòng vệ sinh tầng 5 rửa đĩa để chuẩn bị xào Ke lần 02.*

T1, V1, T sang phòng 503 để xào Ke lần thứ 2, xào xong V1 bê đĩa K cùng T1 đi về phòng 501, khi đến chỗ D đang ngồi, V1 thấy H T5 đứng ở cửa thang máy nên V1 đưa đĩa K cho T1 cầm, *D ngồi trên ghế nhìn thẳng vào đĩa ma túy không nói gì. Khi vào trong phòng T1 đưa ½ viên Kẹo cho H T5 sử dụng bằng cách uống trực tiếp, mọi người trong phòng sử dụng ma túy tổng hợp (K1 và K) bật nhạc để nhảy. Đến khoảng 11 giờ 40 phút cùng ngày T1 gọi Phạm Xuân T6 đến cùng tham gia sử dụng ma túy tại phòng 501. Khoảng 12 giờ cùng ngày khi K trên đĩa gần hết, V1 mang đĩa sứ đang có Ke, thẻ ATM và ống điều tự chế ra để ở ghế sofa tầng 5. Do trên mặt đĩa vẫn còn ma túy dính vào, nên V1 dùng thẻ ATM cạo và vụn ma túy vào một chỗ. Lúc này Trần Quang T7 được T1 gọi đến, D đi từ ban công tầng 05 vào chỗ ghế sofa để lấy thuốc hút, đĩa ma túy để ngay cạnh bao thuốc lá.*

T1 bê đĩa sứ trên ghế cùng T6 vào phòng 503 xào Ke lần 3, D đi vào đứng ở cửa phòng 503, lúc này T1 đang xào Ke, sau đó D ra ghé sofa ngồi nghe điện thoại. Khi xào K xong T1 bê đĩa sứ chứa Ke sang phòng 501. Khoảng 12 giờ 15 phút cùng ngày, do điều hòa trong phòng lạnh không điều chỉnh được nên mọi người gọi D vào chỉnh nhiệt độ. Lúc này D thấy mọi người trong phòng do phê ma túy, người nằm, người ngồi, nhạc trong phòng bật nhưng không có ai hát karaoke. Sau đó nhóm hát chuyển sang phòng 502 để nghe nhạc và sử dụng ma túy. Khoảng 12 giờ 50 phút cùng ngày Nguyễn Đình Q quay lại quán hát và vào phòng 502 để sử dụng ma túy cùng mọi người. Khoảng 13 giờ 05 phút có Lù Thị T8 đến phòng 502, được khoảng 02 phút thì T8 ra ngoài ngồi ở hành lang chờ không thấy ai gọi vào phục vụ nên T8 vào phòng 501 ngồi.

T1 mang đĩa sứ sang phòng 503 xào Ke lần 4, xong T1 bê đĩa Ke vào phòng 502 cho mọi người sử dụng. Khoảng 13 giờ 20 phút cùng ngày D bấm thang máy và mở cửa cho T8 đi về, ngay sau đó T7 và N ra về. Hồi 14 giờ 15 phút cùng ngày Công an phường T phối hợp với đội điều tra tổng hợp Công an thành phố Đ bắt quả tang nhóm hát tại phòng 502 thu giữ vật chứng gồm 01 gam MDMA và 1,55 gam Ketamine, ngoài ra còn tạm giữ những đồ vật khác.

Ngày 17/11/2022, Cơ quan điều tra đã khám xét khẩn cấp chỗ ở và nơi làm việc của Tạ Duy H1 thu giữ: 01 lọ thủy tinh màu nâu hình trụ tròn, nắp nhựa màu trắng dán nhãn MyMom care, bên trong có: 32 viên nén màu nâu nhạt, một mặt có chữ C, một mặt có chữ Dior (trong đó có 01 viên bị vỡ một góc) là ma túy loại MDMA khối lượng 13,16 gam; 04 túi zip màu trắng, miệng túi có mép dán, bên trong có chứa các cục tinh thể màu trắng đục là ma túy Ketamine khối lượng 3,85 gam; 01 lọ nhựa màu trắng có nắp, dán nhãn Ostelin, bên trong có: 01 túi nilon màu trắng, loại túi có mép dán, bên trong có các cục màu nâu nhạt là ma túy Ketamine khối lượng 0,8 gam; 01 túi zip màu trắng loại có mép dán, bên trong có chứa các cục tinh thể màu trắng đục là ma túy Ketamine khối lượng 0,66 gam; 01 cân điện tử nhãn hiệu MILD SEVEN WIND BLUE, không có nắp đậy pin. Ngoài ra còn tạm giữ: 55 chai rượu ngoại, rượu vang có nguồn gốc do nước ngoài sản xuất chưa qua sử dụng; 24 cây thuốc lá điện tử do nước ngoài sản xuất chưa qua sử dụng; 140 bao thuốc lá nhãn hiệu 555 do nước ngoài sản xuất (mỗi bao có 20 điếu) chưa qua sử dụng; 371kg vỏ bóng cao su (bóng cười) do nước ngoài sản xuất chưa qua sử dụng; 14 bình kim loại đựng khí N₂O (tên hóa học: Dinitơ monoxide) có tổng trọng lượng cân cả bình là 603.9kg (trọng lượng khí N₂O là 207.9kg) chưa qua sử dụng.

H1 khai nhận toàn bộ số ma túy bị cơ quan Công an thu giữ qua khám xét và số ma túy bán cho Nguyễn Đức V1 là ma túy tổng hợp H1 mua của một người đàn ông không quen biết, tên T3 ở Thái Bình với giá 33.000.000 đồng mục đích bán và sử dụng. Những loại hàng hóa theo biên bản tạm giữ tang vật ngày 17/11/2022 qua khám xét tại nơi làm việc của H1, do anh Vũ Đình C1 giao nộp là của H1 mua của người đàn ông tên là T9 ở Hải Phòng qua mạng xã hội, H1 không biết họ, địa chỉ của T9.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 90/2024/HS-ST ngày 25/3/2024, Tòa án nhân dân thành phố Đ, tỉnh Điện Biên đã quyết định như sau:

1. Áp dụng điểm b, c khoản 2 Điều 255, điểm s, t khoản 1 Điều 51, Điều 54, Điều 38; Điều 17, Điều 58 Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Đức V1 phạm tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”. Xử phạt bị cáo Nguyễn Đức V1 05 (Năm) năm 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ (17/10/2022).

2. Áp dụng điểm b, c khoản 2 Điều 255, điểm s, t, p khoản 1 Điều 51, Điều 54, Điều 38; Điều 17, Điều 58 Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố bị cáo Phạm Anh T phạm tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”. Xử phạt bị cáo Phạm Anh T 05 (Năm) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ (17/10/2022).

3. Áp dụng điểm b, c khoản 2 Điều 255, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38; Điều 17, Điều 58 Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố bị cáo Bùi Ngọc T1 phạm tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”. Xử phạt bị cáo Bùi Ngọc T1 07 (Bảy) năm 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ (17/10/2022).

4. Áp dụng điểm p khoản 2 Điều 251, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố bị cáo Tạ Duy H1 phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Xử phạt bị cáo Tạ Duy H1 08 (Tám) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giam (17/11/2022).

5. Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 29 Bộ luật Hình sự: Miễn trách nhiệm hình sự đối với bị cáo Phạm Văn D về tội “Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy” quy định tại khoản 1 Điều 256 Bộ luật Hình sự.

Ngoài ra, Bản án còn tuyên phần xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo của bị cáo.

Ngày 08/4/2024, bị cáo Phạm Văn D kháng cáo một phần Bản án sơ thẩm (phần quyết định đối với Phạm Văn D), bị cáo cho rằng hành vi bản thân đã thực hiện không thỏa mãn mặt chủ thể, mặt khách thể, mặt chủ quan của tội “Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy”. Vì vậy, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm tuyên bị cáo không phạm tội “Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy” theo khoản 1 Điều 256 Bộ luật Hình sự; hủy một phần Bản án hình sự sơ thẩm và đình chỉ vụ án đối với bị cáo Phạm Văn D.

Ngày 22/4/2024, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên có Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 191/QĐ-VKS-P7, kháng nghị một phần quyết định của Bản án hình sự sơ thẩm số 90/2024/HS-ST ngày 25/3/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Đ, tỉnh Điện Biên; đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên xét xử phúc thẩm vụ án theo hướng: Sửa một phần Bản án hình sự sơ thẩm; đối với hình phạt của bị cáo Phạm Văn D, không áp dụng điểm c khoản 2 Điều 29 Bộ luật

Hình sự, miễn trách nhiệm hình sự đối với bị cáo Phạm Văn D mà áp dụng hình phạt tù đối với bị cáo Phạm Văn D theo đúng quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Phạm Văn D vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên vẫn giữ nguyên quyết định kháng nghị phúc thẩm.

Tại phần tranh luận, đại diện VKSND tỉnh Điện Biên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm: Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo D; Chấp nhận toàn bộ kháng nghị của Viện trưởng VKSND tỉnh Điện Biên để sửa một phần của Bản án hình sự sơ thẩm số 90/2024/HS-ST ngày 25/3/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Đ, áp dụng hình phạt tù đối với bị cáo Phạm Văn D, vì các lý do: (1) Bị cáo D không ra tự thú về hành vi phạm tội của mình, trong quá trình điều tra bị cáo D khi khai báo về hành vi của mình luôn thay đổi, mâu thuẫn nhau thể hiện sự không hợp tác với cơ quan điều tra trong việc điều tra làm rõ nội dung của vụ án; (2) Trong hồ sơ vụ án không có văn bản, tài liệu nào thể hiện việc bị cáo D đã có hành động tích cực giúp đỡ cơ quan Công an bắt giữ nhóm người sử dụng trái phép chất ma túy; (3) Bị cáo Phạm Văn D không có hành động cụ thể nào thể hiện đã lập công lớn hay có cống hiến đặc biệt được Nhà nước và xã hội thừa nhận. Hành vi phạm tội của bị cáo D không đủ điều kiện để miễn trách nhiệm hình sự theo điểm c khoản 2 Điều 29 Bộ luật Hình sự. Việc Tòa án nhân dân thành phố Đ, tỉnh Điện Biên áp dụng điểm c khoản 2 Điều 29 Bộ luật Hình sự để miễn trách nhiệm hình sự cho bị cáo Phạm Văn D về tội Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy theo khoản 1 Điều 256 Bộ luật Hình sự là chưa có căn cứ, không phù hợp với quy định của pháp luật.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 1 Điều 355 và điểm c khoản 2 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự: Sửa một phần Bản án hình sự sơ thẩm số 90/2024/HS-ST ngày 25/3/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Đ, tỉnh Điện Biên.

- Về hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 256; Điều 38 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Phạm Văn D từ 2 năm đến 2 năm 6 tháng tù.

- Về án phí: Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc bị cáo Phạm Văn D phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự phúc thẩm.

Bài bào chữa của người bào chữa cho bị cáo Phạm Văn D (gửi cho Hội đồng xét xử) có nội dung: Hành vi của bị cáo Phạm Văn D không thỏa mãn 04 yếu tố cấu thành tội Chứa chấp sử dụng trái phép chất ma túy được quy định tại khoản 1 Điều 256 Bộ luật Hình sự năm 2015. Căn cứ khoản 2 Điều 157 Bộ luật Tố tụng hình sự quy định về việc Không được khởi tố vụ án hình sự khi có một trong các căn cứ sau: “2. *Hành vi không cấu thành tội phạm*”. Căn cứ khoản 1 Điều 359 Bộ luật Tố tụng hình sự quy định về Hủy bản án sơ thẩm và đình chỉ vụ án: “1. *Khi có một trong các căn cứ quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 157 của Bộ luật này thì Hội đồng xét xử phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm, tuyên bị cáo không có tội và đình chỉ vụ án*”. Người bào chữa đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm tuyên bố bị cáo

Phạm Văn D không phạm tội Chứa chấp sử dụng trái phép chất ma túy theo quy định tại khoản 1 Điều 256 Bộ luật Hình sự năm 2015 và Hủy một phần Bản án hình sự sơ thẩm số 90/2024/HS-ST ngày 25/3/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Đ, tỉnh Điện Biên.

Bị cáo Phạm Văn D nhất trí với bài bào chữa của Luật sư, bị cáo không tranh luận với đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên.

Lời nói sau cùng, bị cáo Phạm Văn D đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng cáo để tuyên bố bị cáo không phạm tội “Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy”, đình chỉ vụ án đối với bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

Ngày 25/3/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Đ xét xử sơ thẩm. Ngày 08/4/2024 bị cáo Phạm Văn D nộp đơn kháng cáo. Theo quy định tại Điều 331, Điều 332, Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự, bị cáo đã làm đơn trong hạn luật định, kháng cáo của bị cáo Phạm Văn D là hợp lệ, được chấp nhận xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Xét nội dung kháng cáo của bị cáo Phạm Văn D:

Trong quá trình điều tra vụ án cũng như tại các phiên tòa sơ thẩm, bị cáo Phạm Văn D có nhiều lời khai mâu thuẫn với nhau, tuy nhiên tại một số lời khai có sự chứng kiến của Luật sư bào chữa cho mình, bị cáo D đã thừa nhận có biết V1, T, T1 cùng với nhóm bạn sử dụng ma túy, bởi khi phục vụ nhóm hát này bị cáo thấy các đối tượng có biểu hiện lạ như: Nằm, ngồi, hành động không bình thường, nên để ý quan sát; bị cáo biết nhóm của V1 sử dụng ma túy từ khi bị cáo vào chinh âm thanh tại phòng hát 501 và V1 cho bị cáo số tiền 200.000 đồng. Trong quá trình điều tra bị cáo D cũng khẳng định: Qua các biểu hiện của nhóm khách trên, bị cáo chắc chắn nhóm người trên đang sử dụng ma túy, khoảng 30 phút sau, ông D1 (bố của D) mới gọi điện thoại thông báo công an nhờ phối hợp bắt nhóm sử dụng ma túy (bút lục 555).

Ngoài ra, tại biên bản thực nghiệm điều tra và dữ liệu điện tử thể hiện: Từ 11 giờ 22 phút đến 11 giờ 26 phút bị cáo vào phòng 501 để chỉnh điều hoà, lúc này bị cáo V1 đã 02 lần cầm đĩa ma túy đi ra và đi vào phòng, từ 12 giờ 18 phút đến 12 giờ 23 phút bị cáo V1 là người cầm đĩa sứ để ra ghế sofa, trên đĩa còn ma túy, V1 dùng thẻ ATM vét ma túy vào một góc, trên đĩa ngoài số ma túy còn có thẻ ATM, tàu để sử dụng ma túy, bị cáo D đến lấy thuốc lá ngay cạnh đĩa ma túy, khi các bị cáo T1 và T6 xào Ke tại phòng 503 thì bị cáo D đứng ở cửa nhìn vào chỗ các bị cáo T1 và T6 đang xào Ke, biên bản thực nghiệm điều tra cũng thể hiện khi D vào phòng 501 chỉnh âm thanh và nhiệt độ thì các bị cáo V1, T, T1 và nhóm bạn đang thay nhau sử dụng ma túy trong phòng.

Lời khai của các bị cáo Nguyễn Đức V1, Phạm Văn T, Bùi Ngọc T1 đều khẳng định: Phạm Văn D biết các bị cáo V1, T, T1 và nhóm bạn cùng nhau sử dụng ma túy.

Do đó có đủ cơ sở để khẳng định việc khi các bị cáo V1, T, T1 cùng nhóm bạn đến phòng 501, 502 của quán K2 để tổ chức sử dụng ma túy, bị cáo Phạm Văn D có biết việc các đối tượng này sử dụng ma túy, nhưng vẫn để mặc cho nhóm đối tượng này thực hiện hành vi vi phạm.

Cũng trong quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo Phạm Văn D và anh Đỗ Xuân T2 (chủ quán K2) đều khẳng định: Khi anh T2 gọi điện thoại cho D đến quán, anh T2 đã đưa chìa khoá nhà của quán K2 cho D để trông coi tài sản, vệ sinh dọn dẹp, đón khách vào, mở cửa cho khách ra, phục vụ yêu cầu của khách khi được gọi, chịu trách nhiệm thanh toán tiền cũng như đảm bảo tài sản của quán không bị hư hỏng hay mất mát, thời điểm này chỉ có một mình bị cáo D được giao quản lý quán và phục vụ nhóm khách V1, T, T1.

Do vậy, có đủ căn cứ khẳng định trong thời gian được giao quản lý quán K2, bị cáo Phạm Văn D biết các đối tượng V1, T, T1 cùng nhóm bạn sử dụng ma túy, nhưng lại để mặc cho họ sử dụng. Hành vi này của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy” được quy định tại khoản 1 Điều 256 Bộ luật Hình sự.

Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất vụ án, hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự để xét xử bị cáo về tội “Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy” được quy định tại khoản 1 Điều 256 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật. Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh mình không phạm tội. Do đó, không có căn cứ chấp nhận nội dung đơn kháng cáo của bị cáo Phạm Văn D.

[3] Xét nội dung kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên:

Hội đồng xét xử thấy rằng, sau khi biết các bị cáo V1, T, T1 sử dụng ma túy trong thời gian bị cáo đang trông coi, quản lý quán K2, khi cơ quan chức năng nhờ phối hợp, giúp đỡ để bắt nhóm sử dụng ma túy, bị cáo D đã phối hợp với cơ quan chức năng, mở cửa cho công an vào phòng để bắt các đối tượng sử dụng ma túy là các bị cáo V1, T, T1 và nhóm bạn, nội dung này được thể hiện tại các biên bản ghi lời khai của ông Phạm Văn D1, bà Trần Thị Y – bố mẹ của Phạm Văn D thể hiện trưa ngày 17/10/2022 anh S2 và anh T10 là lãnh đạo Công an phường T đến nhà D, nhờ bố mẹ D gọi điện thuyết phục D hợp tác, đồng thời bố mẹ D đã cung cấp các số điện thoại của D cho công phường liên lạc, chiều tối cùng ngày D về nhà khoe được các anh công an thưởng công 5.000.000 đồng.

Tại Báo cáo vụ việc của anh Sùng A S2 – Trưởng Công an phường T, Báo cáo vụ việc của anh Bùi Đình T10 – Phó trưởng Công an phường T cũng thể hiện nội dung anh S2 và anh T10 đến gặp ông D1, bà Y trưa ngày 17/10/2022 nhờ gọi điện thuyết phục D hợp tác, đồng thời các số điện thoại của D để liên lạc.

Tại biên bản kiểm tra điện thoại, chụp màn hình điện thoại có nội dung thể

hiện số điện thoại lưu tên Anh T10 Him Lam nhắn tin cho bị cáo D vào lúc 12 giờ 13' ngày 17/10/2022 nhờ cộng tác với cơ quan công an để bắt nhóm đối tượng sử dụng ma túy tại quán K2, D nhắn tin trả lời đồng ý hợp tác; mặc dù chủ thuê bao số điện thoại không mang tên Bùi Đình T10, người đứng tên chủ thuê bao cũng không sử dụng số điện thoại này, lịch sử cuộc gọi thể hiện trước thời điểm lực lượng công an vào quán Q5 bắt nhóm đối tượng sử dụng ma túy, số điện thoại này liên tục gọi điện cho bị cáo D để cùng phối hợp (bút lục 899, 901, 904) nên có cơ sở khẳng định việc D phối hợp với cơ quan điều tra để bắt nhóm V1, T, T1 là sự thật.

Qua việc bắt giữ được nhóm đối tượng sử dụng trái phép chất ma túy này, cơ quan Điều tra đã tiến hành điều tra và làm rõ về các hành vi phạm tội của nhóm đối tượng, ngoài việc nhóm đối tượng V1, T, T1 bị khởi tố, điều tra về tội tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy, Cơ quan điều tra còn làm rõ và khởi tố 01 đối tượng là Tạ Duy H1 về tội mua bán trái phép chất ma túy; biên bản lấy lời khai, hỏi cung Tạ Duy H1 đều thừa nhận bị cáo mua bán trái phép 10 viên ma túy tổng hợp cho V1 và nhóm bạn của V1 sử dụng.

Như vậy, sau khi biết hành vi của mình là vi phạm pháp luật, bị cáo D đã tích cực giúp đỡ Cơ quan Điều tra trong việc phát hiện và điều tra tội phạm, cố gắng hạn chế đến mức thấp nhất hậu quả của tội phạm. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ điểm c khoản 2 Điều 29 Bộ luật Hình sự để miễn trách nhiệm hình sự đối với bị cáo Phạm Văn D về tội “Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy” là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật. Mặt khác, trong quá trình điều tra, bị cáo Phạm Văn D cũng đã bị tạm giam 01 năm 02 tháng 29 ngày (từ ngày 06/11/2022 đến ngày 02/02/2024).

Kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên và đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên về việc sửa một phần của Bản án hình sự sơ thẩm số 90/2024/HS-ST ngày 25/3/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Đ, tỉnh Điện Biên, áp dụng hình phạt tù đối với bị cáo Phạm Văn D là không cần thiết nên không chấp nhận.

Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự, không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Phạm Văn D, không chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên, giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 90/2024/HS-ST ngày 25/3/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Đ, tỉnh Điện Biên.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[5] Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự, điểm a khoản 2 Điều 23 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị cáo Phạm Văn D phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự phúc thẩm.

[6] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Đ,

Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ, Kiểm sát viên, Tòa án nhân dân thành phố Đ, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện theo đúng quy định về thẩm quyền, trình tự, thủ tục, các quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, tại phiên tòa sơ thẩm và phiên tòa phúc thẩm bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của bị cáo Phạm Văn D.

- Không chấp nhận toàn bộ kháng nghị số: 191/QĐ-VKS-P7 ngày 22/4/2024 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên về việc sửa một phần Bản án hình sự sơ thẩm, áp dụng hình phạt tù đối với bị cáo Phạm Văn D.

- Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số: 90/2024/HS-ST ngày 25/3/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Đ, tỉnh Điện Biên đã xét xử đối với Phạm Văn D, cụ thể như sau:

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 29 Bộ luật Hình sự: Miễn trách nhiệm hình sự đối với bị cáo Phạm Văn D về tội “Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy” quy định tại khoản 1 Điều 256 Bộ luật Hình sự.

2. Về án phí phúc thẩm: Áp dụng Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm b khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, bị cáo Phạm Văn D chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (11/9/2024).

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Điện Biên;
- TAND TP. Đ;
- VKSND TP. Đ;
- Công an TP. Đ;
- Phòng HSNV Công an tỉnh Điện Biên;
- Bị cáo;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Chi cục THADS TP. Đ;
- Vụ giám đốc kiểm tra I, TANDTC;
- Sở T pháp tỉnh Điện Biên;
- Lưu HSVA, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Hoàng Thị Hòa

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
CÁC THẨM PHÁN
THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Phương

Vũ Thị Thanh Thủy

Hoàng Thị Hòa

